**Thông báo dự thảo và quy định có hiệu lực về an toàn thực phẩm và kiểm dịch động,   
thực vật của các thành viên Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) từ ngày 21/4-20/5/2023**

1. **Danh sách dự thảo lấy ý kiến góp ý**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/UKR/181 /Rev.1 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Ucraina | 17/5/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa" | Dự thảo Lệnh quy định về việc phê duyệt các yêu cầu đối với thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa.  Việc thông qua dự thảo này sẽ đưa luật pháp của Ucraina liên quan đến chất lượng và an toàn thực phẩm phù hợp với luật pháp của EU và sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện Chỉ thị 1999/2/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 22 tháng 02 năm 1999 về luật pháp của các quốc gia thành viên liên quan đến thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa và Chỉ thị 1999/3/EC của Nghị viện và Hội đồng châu Âu ngày 22 tháng 02 năm 1999 về việc thiết lập danh sách chung các loại thực phẩm và thành phần thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa.  Với sự tồn tại của các điều khoản liên quan đến các chi tiết cụ thể của việc ghi nhãn thực phẩm được xử lý bằng bức xạ ion hóa, dự thảo Lệnh này cũng được thông báo theo các yêu cầu của Hiệp định về hàng rào kỹ thuật đối với thương mại |
| 2 | G/SPS/N/MAR/99 | ATTP, BVTV, CLCB, TY, CT | Ma Rốc | 17/5/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp, Thủy sản Hàng hải, Phát triển Nông thôn và Nước và Rừng số 466-23 liên quan đến việc đăng ký các cơ sở xuất khẩu sản phẩm thực phẩm sang Ma-rốc | Dự thảo nghị định này là một phần của việc thực thi nghị định số 2-10-473 ngày 7 tháng 1432 năm 1432 (ngày 6 tháng 9 năm 2011) để áp dụng một số quy định của luật số 28-07 liên quan đến an toàn thực phẩm, đặc biệt là điều 48 và 75 |
| 3 | G/SPS/N/CHL/755 | BVTV | Chi Lê | 17/5/2023 | Sửa đổi Nghị quyết số 1.187 năm 2022 thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với hạt ngũ cốc | Nghị quyết 1.187 năm 2022 của SAG được sửa đổi như sau:  • "Nó sẽ được chấp nhận như một tuyên bố bổ sung thay thế, rằng:  1.2.1. Các dịch hại có/không có ở nước xuất xứ, theo hướng dẫn của ISPM 8 "Xác định tình hình dịch hại trong một vùng". Để tuân thủ Tuyên bố bổ sung này, quốc gia xuất xứ phải duy trì thông tin hỗ trợ và hồ sơ dịch hại, dựa vào đó để xác định tình trạng của quốc gia không có dịch hại, có tính đến việc cơ quan dịch vụ xác nhận những hồ sơ này.  1.2.2. Lô hàng đến từ khu vực không có (các) loài gây hại, được cơ quan dịch vụ chính thức công nhận thông qua Nghị quyết miễn trừ (nêu rõ số và năm)."  • "Bất kỳ sản phẩm thuốc diệt nấm nào được tổ chức Bảo vệ thực vật quốc gia xuất xứ chấp nhận và đăng ký để kiểm soát loài gây hại này sẽ được chấp nhận như một phương pháp điều trị chống lại bào tử nấm *Tilletia indica*."  2. Nghị quyết này có hiệu lực sau khi đăng Công báo. |
| 4 | G/SPS/N/THA/155 /Rev.2/Add.2 | ATTP | Thái Lan | 16/5/2023 | Dự thảo thông báo của Bộ Y tế Công cộng (MOPH), Số … B.E. …. (....) ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 có tựa đề "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA (Số 2)" | Bộ Y tế Công cộng (MOPH) đang đề xuất sửa đổi thông báo của MOPH liên quan đến "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA" như sau:  Khoản 1. Khoản 5(1) trong thông báo của Bộ Y tế Công cộng (Số 394) B.E. 2561 (2018) được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 có tiêu đề "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA" sẽ bị bãi bỏ và thay thế bằng các văn bản sau: "(1) Việc ghi nhãn dinh dưỡng phải tuân theo định dạng và quy định hiển thị thông tin dinh dưỡng của tệp đính kèm số 1 thông báo của Bộ Y tế Công cộng, về: Ghi nhãn dinh dưỡng".  Khoản 2. Ghi nhãn sản phẩm thực phẩm tại Khoản 3 trong thông báo của Bộ Y tế (Số 394) B.E. 2561 (2018) được ban hành theo Đạo luật Thực phẩm B.E. 2522 có tên "Các sản phẩm thực phẩm bắt buộc phải ghi nhãn dinh dưỡng và hướng dẫn số lượng hàng ngày, ghi nhãn GDA" trước ngày thông báo này có hiệu lực vẫn có thể được bán nhưng không quá ba năm kể từ ngày thông báo này có hiệu lực. Sau thời gian này, nhãn dinh dưỡng sẽ được hiển thị theo thông báo này.  Khoản 3. Thông báo này có hiệu lực sau 180 ngày, kể từ ngày đăng Công báo Chính phủ.  Dự thảo Thông báo của Bộ Y tế Công cộng này cũng được thông báo theo thông báo TBT là G/TBT/N/THA/15/Rev.2/Add.2. <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/THA/23_09664_00_e.pdf> <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/THA/23_09664_00_x.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó |
| 5 | G/SPS/N/CAN/1506 | BVTV | Canada | 16/5/2023 | D-22-03: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu và vận chuyển trong nước nguyên liệu nho để nhân giống hoặc sử dụng trang trí | Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) gần đây đã hoàn thành việc xem xét các yêu cầu trong nước và nhập khẩu nho của nước này. Do đó, CFIA đã phát triển một chỉ thị chính sách sức khỏe thực vật mới, D-22-03: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu và vận chuyển trong nước nguyên liệu cây nho để nhân giống hoặc sử dụng trang trí.  Mặc dù phần lớn các yêu cầu được nêu trong chỉ thị D-22-03 vẫn phù hợp với các yêu cầu trong nước và nhập khẩu hiện tại, CFIA đang giới thiệu các bản cập nhật để đưa chỉ thị này phù hợp với các tiêu chuẩn khu vực và khoa học hiện tại, bao gồm Tổ chức Bảo vệ thực vật Bắc Mỹ (NAPPO) Tiêu chuẩn khu vực về biện pháp kiểm dịch thực vật (RSPM) Số 35: Hướng dẫn vận chuyển cây ăn quả, cây nho và họ táo và quả hạch vào quốc gia thành viên NAPPO. Danh sách các bản cập nhật và chính sách bị thay thế có thể được tìm thấy trên trang 1 của tài liệu. |
| 6 | G/SPS/N/BRA/2161 | BVTV | Bra-xin | 16/5/2023 | Dự thảo - Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu vật liệu nhân giống lan hồ điệp (*Phalaenopsis* spp.) từ bất kỳ nguồn gốc nào. | Thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu nhân giống lan hồ điệp *(Phalaenopsis* spp.), từ bất kỳ nguồn gốc nào |
| 7 | G/SPS/N/AUS/558 /Add.2 | BVTV | Úc | 16/5/2023 | Yêu cầu đối với nước nhập khẩu của Úc giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật từ ngày 1 tháng 5 năm 2023 | Thông báo này làm rõ các yêu cầu đối với nước nhập khẩu của Úc giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật đã được đóng dấu/ký điện tử bao gồm mã QR hoặc liên kết web để cho phép xác minh trực tuyến tài liệu. Úc chấp nhận các mẫu giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật sau:  1. Bản chính và bản sao có chứng thực giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật (bản giấy hoặc bản pdf) do các đối tác thương mại cấp đã được ghi ngày, đóng dấu và ký tên. Giấy chứng nhận KDTV không có chữ ký bằng bút mực, chữ ký in, tem ướt hoặc tem in phải đáp ứng đủ các tiêu chí sau:   1. Dấu hoặc logo trên chứng từ của NPPO xuất khẩu; 2. Chữ ký điện tử và/hoặc tuyên bố từ cơ quan xuất khẩu rằng giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật được ký điện tử/phê duyệt; 3. Mã QR hoặc liên kết web để cho phép xác minh trực tuyến tài liệu.   2. Chứng nhận điện tử được cung cấp thông qua trao đổi kỹ thuật số giữa chính phủ với chính phủ được thỏa thuận, an toàn được gọi là chứng nhận điện tử hoặc ePhyto/eCert. Kể từ tháng 5 năm 2023, Úc hiện chỉ có một thỏa thuận với Niu Di-lân để sử dụng trong thông quan nhập khẩu.  Úc ủng hộ việc chuyển sang chứng nhận điện tử (ePhyto/eCert) và thương mại không cần giấy tờ trong thông quan nhập khẩu. Chứng nhận điện tử mang lại hiệu quả đánh giá, cải thiện an ninh và đảm bảo tính hợp lệ của tài liệu khi được cấp qua trao đổi điện tử giữa chính phủ với chính phủ.  Các quốc gia muốn gửi ePhytos/eCerts đến Úc được khuyến khích liên hệ với bộ thông qua đầu mối liên hệ của IPPC Úc (ippc.contactpoint@agriculture.gov.au) để đảm bảo có sẵn các hệ thống cần thiết trước khi bắt đầu giao dịch phi giấy tờ.  Chứng nhận giấy tiếp tục được yêu cầu cho đến khi thương mại không dùng giấy được đàm phán song phương giữa Úc và NPPO xuất khẩu.  Thông tin chi tiết có trên trang web của bộ: <https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/import/industry-advice/2023/115-2023>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó |
| 8 | G/SPS/N/USA/3386 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 15/5/2023 | Fluazifop-P-butyl; Dung sai thuốc trừ sâu. Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập các dung sai đối với dư lượng fluazifop-p-butyl trong hoặc trên nhiều mặt hàng   |  |  | | --- | --- | | Sản phẩm | MRL (ppm) | | Chuối | 0,01 | | Măng tây | 3,0 | | Hạt cà phê | 0,1 | |
| 9 | G/SPS/N/USA/3385 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 15/5/2023 | Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số đơn kiến nghị về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau; Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu cho ý kiến. | Cơ quan bảo vệ môi trường Hoa Kỳ đã nhận được một số hồ sơ kiến nghị về thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau |
| 10 | G/SPS/N/USA/3384 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 15/5/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu cyflufenamid; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng cyflufenamid trong hoặc trên củ cải đường là 0,15 ppm |
| 11 | G/SPS/N/USA/3383 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 15/5/2023 | Dung sai thuốc trừ sâu fomesafen; Quy tắc cuối cùng | Quy định này thiết lập mức cho phép đối với dư lượng của fomesafen trong hoặc trên rau, củ, nhóm 3-07; rau, bầu bí nhóm 9; rau ăn quả nhóm 8-10; và rau, cây họ đậu, thức ăn thô xanh và cỏ khô, trừ đậu tương, phân nhóm 7-22A |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1201 | BVTV | Nhật Bản | 11/5/2023 | Dự thảo tiêu chuẩn để dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu thực vật vào Nhật Bản (Chỉ thị chính thức số 5 của Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản) | Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản sửa đổi quy trình tiêu chuẩn dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu thực vật vào Nhật Bản do Nhật Bản nhận được yêu cầu từ một quốc gia đề nghị dỡ bỏ lệnh cấm nhập khẩu thực vật mà Nhật Bản cấm nhập khẩu theo Luật Bảo vệ Thực vật (Luật số 151 năm 1950).  Mục đích của việc sửa đổi là để phản ánh các thủ tục mới được thực hiện và do đó tăng tính minh bạch của thủ tục, đồng thời tính đến các tiêu chuẩn quốc tế có liên quan, như phiên bản trước đã được phát triển hơn 20 năm trước (năm 1999) |
| 13 | G/SPS/N/GBR/34 | ATTP, BVTV | Vương quốc Anh | 11/5/2023 | Đề xuất GB MRL cho benzovindiflupyr sửa đổi sổ đăng ký theo luật GB MRL | Benzovindiflupyr là một hoạt chất đã được phê duyệt ở Vương quốc Anh. Ban Điều hành Sức khỏe và An toàn đã nhận được đơn đề nghị thiết lập MRL mới cho quả việt quất xanh và nhân sâm. Sau khi đánh giá, các MRL mới đã được giới thiệu để đặt dung sai nhập khẩu.  Báo cáo đánh giá/ý kiến phù hợp hỗ trợ các MRL mới hiện có tại liên kết sau. Danh sách đầy đủ các MRL mới có sẵn trong tài liệu này, xem trang 5: mức MRL mới (hse.gov.uk).  Mức dư lượng phát sinh trong thực phẩm từ việc sử dụng được thông báo dẫn đến việc người tiêu dùng bị phơi nhiễm dưới các giá trị tham chiếu độc tính và do đó không có tác động có hại đối với sức khỏe con người. Khi mức dư lượng vượt quá các MRL hiện hành, các MRL mới sẽ được thông qua. |
| 14 | G/SPS/N/CAN/1505 | ATTP, BVTV | Canada | 11/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fludioxonil (PMRL2023-25) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-25 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa được liệt kê (MRL) đối với fludioxonil đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA).   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,01 | Đậu đũa tách vỏ mọng nước2 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL đã được thiết lập cho các loại rau đậu có vỏ ăn được khác và đậu và đậu có vỏ mọng nước được bao gồm trong phân nhóm cây trồng 6A và 6B |
| 15 | G/SPS/N/CAN/1504 | ATTP, BVTV | Canada | 11/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Sedaxane (PMRL2023-24) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-24 là để tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với sedaxane đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,01 | Rau họ đậu ăn được (nhóm cây trồng 6A); đậu và đậu đã tách vỏ mọng nước (nhóm cây trồng 6B) | | 1 ppm = phần triệu | | |
| 16 | G/SPS/N/BRA/2089 /Add.2 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 11/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết số 1120, ngày 13 tháng 10 năm 2022 | Hướng dẫn Quy chuẩn 207, ngày 16 tháng 2 năm 2020 - đã được thông báo trước trong G/SPS/N/BRA/2089/Add.1 - đã được sửa đổi.  Văn bản đính chính chỉ có sẵn bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <https://www.in.gov.br/en/web/dou/-/retificacao-480549788>  Phụ lục này liên quan đến: Sửa đổi nội dung và/hoặc phạm vi của dự thảo quy định đã được thông báo trước đó |
| 17 | G/SPS/N/TZA/273 | BVTV | Tanzania | 08/5/2023 | AFDC 19(1716), Hạt phỉ sống và đã rang – Đặc điểm kỹ thuật | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, lấy mẫu và phương pháp thử nghiệm đối với hạt phỉ sống và rang có nguồn gốc từ quả phỉ (Corylus avellana L.) dùng làm thực phẩm cho con người. |
| 18 | G/SPS/N/EU/635 | ATTP, BVTV, CLCB, TY | Liên minh châu Âu | 08/5/2023 | Quy định của Ủy ban (EU) về mức tối đa đối với một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm và bãi bỏ Quy định (EC) số 1881/2006 | Quy định của Ủy ban (EC) số 1881/2006 thiết lập mức tối đa cho một số chất gây ô nhiễm trong thực phẩm đã được sửa đổi nhiều lần. Để cải thiện tính dễ đọc và rõ ràng của Quy định này, Quy định này thay thế Quy định (EC) số 1881/2006, bao gồm tất cả các sửa đổi tiếp theo. Tất cả các điều khoản quy định trong Quy chế này đã được thông báo trước đó cho WTO để lấy ý kiến. Dự thảo Quy chế này không làm thay đổi nội dung các ý kiến đã thông báo trước đó và do đó chủ yếu được thông báo để cung cấp thông tin. |
| 19 | G/SPS/N/ARM/48 | BVTV | Armenia | 08/5/2023 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 Số 318 | Dự thảo quy định nhằm mục đích sử dụng hệ thống đánh giá rủi ro kiểm dịch thực vật khi lựa chọn các quy trình kiểm soát kiểm dịch thực vật, cũng như đưa ra quyết định thống nhất liên quan đến các lô sản phẩm phải kiểm dịch thực vật nếu có sự khác biệt giữa giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và chứng từ vận chuyển và nếu phát hiện sinh vật. |
| 20 | G/SPS/N/USA/3382 | ATTP, CT | Hoa Kỳ | 05/5/2023 | Đơn kiến nghị về phụ gia màu từ Quỹ bảo vệ môi trường, et al.; Yêu cầu Thu hồi danh sách phụ gia màu để sử dụng titanium dioxide trong thực phẩm; Thông báo về Đơn kiến nghị | Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ thông báo về kiến nghị đối với chất phụ gia màu, do Quỹ Bảo vệ Môi trường và cộng sự đệ trình. Bản kiến nghị đề xuất bãi bỏ quy định về chất phụ gia màu cung cấp cho việc sử dụng titan dioxit trong thực phẩm. |
| 21 | G/SPS/N/UKR/203 | CT | Ucraina | 05/5/2023 | Dự thảo Luật Ucraina "Về hoa bia và các sản phẩm từ hoa bia". | Luật quy định khuôn khổ pháp lý và tổ chức cho hoạt động của thị trường sản phẩm hoa bia, các yêu cầu đối với sản xuất, chế biến, ghi nhãn và chứng nhận, cũng như thẩm quyền của cơ quan nhà nước, quyền và nghĩa vụ của các chủ thể kinh doanh trong ngành hoa bia, định hướng chính sách của nhà nước trong ngành này và kiểm soát của nhà nước.  Đặc biệt, dự thảo Luật quy định về điều chỉnh ngành hoa bia sẽ đảm bảo:  − Đưa thuật ngữ cho hoa bia và các sản phẩm từ hoa bia phù hợp với luật pháp của EU;  - Xây dựng các quy định cần thiết để xác định các quy tắc chứng nhận hoa bia và sản phẩm hoa bia và các chỉ số chất lượng của chúng;  - Xây dựng các quy định cần thiết để thực hiện các quy tắc ghi nhãn hoa bia, đặt ra các yêu cầu đối với thông tin được chứa trên bao bì của các sản phẩm hoa bia;  - Đặt ra các nghĩa vụ cung cấp đánh giá sự phù hợp và tuyên bố về tính tương đương như một tài liệu chứng nhận sự tuân thủ của hoa bia và các sản phẩm hoa bia nhập khẩu từ nước thứ ba với các yêu cầu của Liên minh Châu Âu;  − Thiết lập các nguyên tắc để tiến hành kiểm tra quá trình sản xuất từ cây hoa bia đến thành phẩm, xác định các cơ quan kiểm soát và thẩm quyền của họ, quy định các biện pháp trừng phạt đối với các hành vi vi phạm pháp luật. |
| 22 | G/SPS/N/UKR/202 | TY | Ucraina | 05/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ucraina "Về việc sửa đổi các quy tắc vận chuyển động vật". | Dự thảo Nghị quyết quy định việc thiết lập các yêu cầu về đối xử nhân đạo đối với việc vận chuyển động vật nuôi, ong và ong nghệ, cũng như các hoạt động liên quan, bao gồm xếp, dỡ hàng, xếp hàng và nghỉ ngơi tại các điểm dừng, phù hợp với các yêu cầu của luật pháp EU hiện hành trong lĩnh vực này.  Nghị quyết của Nội các Bộ trưởng Ucraina số 1402 "Về việc phê duyệt các quy tắc vận chuyển động vật" ngày 16 tháng 11 năm 2011 không tuân thủ đầy đủ các yêu cầu của Luật Ucraina số 1206-IX "Về thuốc thú y" của ngày 4 tháng 2 năm 2021 về việc đảm bảo đối xử nhân đạo cho động vật trong khi vận chuyển chúng. Ngoài ra, Nghị quyết số 1402 không có các yêu cầu đối với việc vận chuyển ong.  Dự thảo Nghị quyết cũng quy định việc thực hiện các yêu cầu của Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện Châu Âu và của Hội đồng ngày 9 tháng 3 năm 2016 về các bệnh truyền nhiễm ở động vật và sửa đổi, bãi bỏ một số hoạt động trong lĩnh vực sức khỏe động vật ('Động vật Luật Y tế') và Quy định ủy quyền của Ủy ban (EU) 2020/688 ngày 17 tháng 12 năm 2019 bổ sung Quy định (EU) 2016/429 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu, liên quan đến các yêu cầu về sức khỏe động vật đối với các hoạt động di chuyển trong Liên minh động vật trên cạn và ấp trứng trong pháp luật của Ucraina. |
| 23 | G/SPS/N/UKR/201 | TY | Ucraina | 05/5/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Lương thực Ucraina "Về việc phê duyệt các yêu cầu đối với việc ấp trứng và gà con ". | Dự thảo Lệnh nhằm thông qua các yêu cầu đối với trứng nở và gà con:  - Dán tem và sử dụng trứng đã ấp;  - Bao bì để ấp trứng và hộp/hộp đựng gà con;  - Dán nhãn các gói và thùng chứa trứng ấp và hộp/thùng các-tông cho gà con;  - Hồ sơ được lưu giữ bởi những người điều hành trại sản xuất giống  Trứng ấp và gà con nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của Ucraina phải tuân thủ: các yêu cầu như được định nghĩa trong đoạn 3 của Chương 1 của Phần II của các yêu cầu này (trong trường hợp nhập khẩu (gửi) trứng nở vào lãnh thổ hải quan của Ucraina), các yêu cầu nhập khẩu (gửi) vào lãnh thổ hải quan của Ucraina bao gồm động vật sống và vật liệu sinh sản của chúng, được phê duyệt bởi Lệnh của Bộ Chính sách Nông nghiệp và Thực phẩm của Ucraina Số 553 ngày 16 tháng 11 năm 2018 (đã thông báo G/SPS/N/UKR/111/Add.1), hoặc các yêu cầu tương đương của nước xuất khẩu.  Dự thảo Lệnh cũng quy định rằng việc đưa ra thị trường trứng ấp và gà con đã được đưa vào lưu thông trước khi Lệnh này có hiệu lực sẽ không bị cấm hoặc hạn chế do trứng nở và gà con không tuân thủ quy định với tất cả hoặc một số điều khoản của các yêu cầu được chấp thuận bởi Lệnh này.  Dự thảo Lệnh được phát triển để thực hiện luật pháp EU. |
| 24 | G/SPS/N/TZA/269 | CT | Tanzania | 05/5/2023 | AFDC 15(1600), Bánh ngọt – Đặc điểm kỹ thuật | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bánh dành cho người tiêu dùng trực tiếp. |
| 25 | G/SPS/N/TZA/268 | CT | Tanzania | 05/5/2023 | AFDC 15 (773), Samosa và món cuộn đông lạnh – Đặc điểm kỹ thuật | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với samosa và món cuộn đông lạnh nhằm chế biến tiếp để phù hợp làm thực phẩm cho con người. Nó cũng có thể áp dụng cho các sản phẩm tương tự với các hình dạng khác nhau như hình nón, hình bán nguyệt, hình chữ nhật. |
| 26 | G/SPS/N/TZA/267 | CT | Tanzania | 05/5/2023 | AFDC 15 (1601), Cookies – Đặc điểm kỹ thuật | Tiêu chuẩn Tanzania này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với bánh quy dành cho người tiêu dùng trực tiếp. |
| 27 | G/SPS/N/AUS/564 | TY | Úc | 05/5/2023 | Điều kiện nhập khẩu trứng nguyên quả, lòng đỏ và lòng trắng trứng của Úc – Rà soát điều kiện nhập khẩu | Úc đã tiến hành rà soát chính sách các điều kiện nhập khẩu đối với trứng nguyên quả, lòng đỏ trứng và bột lòng trắng trứng. Các yêu cầu xử lý nhiệt mới đã được đề xuất thấp hơn các yêu cầu xử lý nhiệt hiện tại và gần với các thông lệ tiêu chuẩn của ngành. Các điều kiện mới sẽ quản lý các rủi ro về an toàn sinh học để đáp ứng mức độ bảo vệ phù hợp của Úc (ALOP). |
| 28 | G/SPS/N/KOR/212 /Add.19 | BVTV | Hàn Quốc | 04/5/2023 | Bổ sung danh mục sinh vật gây hại phải kiểm dịch | Cơ quan Kiểm dịch Động thực vật (APQA), Bộ Nông nghiệp, Thực phẩm và Nông thôn (MAFRA) Hàn Quốc, đã sửa đổi danh mục dịch hại kiểm dịch dựa trên kết quả phân tích nguy cơ dịch hại (PRA) và phù hợp với với các quy định tại Điều 4 và 6 của Pháp lệnh Bộ trưởng Luật Bảo vệ Thực vật. APQA thông báo bổ sung 23 loài dịch hại thuộc diện kiểm dịch từ tháng 7/2023. Thông tin chi tiết trong tệp đính kèm.  Tệp đính kèm Danh sách dịch hại kiểm dịch mới bổ sung (23loài) https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/KOR/23\_09415\_00\_e.pdf  Phụ lục này liên quan đến: Khác: Sửa đổi danh sách dịch hại kiểm dịch (bổ sung 23 dịch hại vào danh sách đã thông báo trước đó: G/SPS/N/KOR/212, G/SPS/N/KOR/212/Add.18) |
| 29 | G/SPS/N/EU/634 | BVTV | Liên minh châu Âu | 04/5/2023 | Dự thảo Quy định thực hiện của Ủy ban sửa đổi Quy định thực hiện (EU) 2020/1201 liên quan đến danh sách các cây ký chủ được biết là dễ bị tổn thương với *Xylella fastidiosa* | Vào ngày 09 tháng 01 năm 2023, Cơ quan An toàn Thực phẩm Châu Âu đã cập nhật cơ sở dữ liệu về các cây ký chủ dễ bị tổn thương với *Xylella fastidiosa* (Wells et al.). Do đó, Phụ lục I và II của Quy định thực thi (EU) 2020/1201 được sửa đổi cho phù hợp. |
| 30 | G/SPS/N/CAN/1503 | ATTP, CT | Canada | 04/5/2023 | Thông báo sửa đổi Danh mục Enzyme thực phẩm được phép sử dụng để cho phép sử dụng men alpha-Amylase từ *Bacillus subtilis* AR-651 trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì không đạt tiêu chuẩn | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã hoàn thành đánh giá an toàn trước khi đưa ra thị trường đối với hồ sơ đệ trình phụ gia thực phẩm xin cấp phép sử dụng alpha-amylase (α-amylase) từ *Bacillus subtilis* AR-651 trong bánh mì, bột mì, bột mì nguyên cám và các sản phẩm bánh mì không đạt tiêu chuẩn. Mức sử dụng tối đa được yêu cầu đối với enzyme thực phẩm này là thực hành sản xuất tốt.  Kết quả đánh giá trước khi đưa ra thị trường chứng minh sự an toàn của α-amylase từ *B. subtilis* AR-651 cho các mục đích sử dụng được yêu cầu. Do đó, Bộ Y tế Canada đã cho phép sử dụng α-amylase từ nguồn này như được mô tả trong tài liệu thông tin bằng cách sửa đổi danh sách các Enzyme thực phẩm được phép, có hiệu lực từ ngày 27 tháng 4 năm 2023.  Mục đích của tài liệu thông tin này là thông báo công khai quyết định của Bộ về vấn đề này và cung cấp thông tin liên hệ thích hợp cho những người muốn gửi yêu cầu hoặc thông tin khoa học mới liên quan đến sự an toàn của phụ gia thực phẩm này |
| 31 | G/SPS/N/CAN/1502 | ATTP, CT | Canada | 04/5/2023 | Thông báo đề xuất cho phép sử dụng L-alpha-glycerylphosphorylcholine làm nguyên liệu bổ sung trong thực phẩm | Tổng cục Thực phẩm của Bộ Y tế Canada đã đánh giá sự an toàn của L-alphaglycerylphosphorylcholine để sử dụng trong thực phẩm bổ sung. Thành phần này trước đây đã được Tổng cục Thực phẩm xác định để đánh giá thêm vì đây là thành phần có trong (các) sản phẩm đủ điều kiện để chuyển đổi sang khuôn khổ quy định về thực phẩm, từ khuôn khổ sản phẩm sức khỏe tự nhiên, theo giấy phép tiếp thị tạm thời.  Tổng cục Thực phẩm đã kết luận rằng thông tin liên quan đến sự an toàn của L-alphaglycerylphosphorylcholine hỗ trợ việc sử dụng an toàn nó trong thực phẩm bổ sung như một nguồn bổ sung choline miễn là mức độ sử dụng không vượt quá mức tối đa đã thiết lập trước đó đối với choline và một số yêu cầu ghi nhãn khác là đáp ứng; như được nêu trong tài liệu thông tin. Do đó, Bộ Y tế Canada đề xuất cho phép sử dụng L-alpha-glycerylphosphorylcholine như một nguồn choline bổ sung bằng cách sửa đổi mục nhập choline trong danh sách các thành phần bổ sung được phép |
| 32 | G/SPS/N/BRA/2160 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1060, ngày 27 tháng 4 năm 2023. | Dự thảo Nghị quyết này đề nghị đưa hoạt chất T75 - trichoderma reesei vào danh mục chuyên khảo các hoạt chất thuốc bảo vệ thực vật, chất tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ. Danh sách này được công bố bởi Hướng dẫn Quy phạm 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin |
| 33 | G/SPS/N/BRA/2159 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1159, ngày 27 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này đề xuất sửa đổi/đưa các thành phần sau vào danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính cho thuốc trừ sâu, sản phẩm tẩy rửa gia dụng và chất bảo quản gỗ được xuất bản bởi Hướng dẫn quy phạm 103 – 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União ): 17 – diflubenzuron, f23.1 – fluasifop-p-butyl, f71 – florpirauxiphen benzyl, g01 – glyphosate, i30 – impirfluxam, m33 – metammitron, m35 – methylcyclopropene, p43 – pyrimetanil, t54 – trifloxystrobin. |
| 34 | G/SPS/N/BRA/2158 | CT | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1158, ngày 24 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này có các quy định về chứng minh an toàn và cho phép sử dụng thực phẩm mới và nguyên liệu mới. |
| 35 | G/SPS/N/BRA/2157 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1157, ngày 6 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này liên quan đến việc đề xuất bổ sung/thay đổi/thay thế chuyên luận của các hoạt chất b41 - boscalid, c07 - kasugamycin, c10 - cypermethrin, c18 - chlorothalonil, c25 - cartap hydrochloride, c32 - clethodim, c55 - copper-based các hợp chất, c63 - lambdacyhalothrin, d06 - deltamethrin, d21 - diquat, g05 - amoni glufosinate, h07 - methyl haloxyfop-p, i12 - imazapyr, i20 - imazapik, i30 - impirfluxam, m45 - mandipropamide, o21 - oxathiapiproline, p23 - propamocarb, s13 - s-metolachlor, t14 - methyl thiophanate, t48 - thiamethoxam trong danh sách chuyên khảo về các thành phần hoạt tính của thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy phạm 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 36 | G/SPS/N/BRA/2156 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1156, ngày 6 tháng 4 năm 2023. | Dự thảo Nghị quyết này liên quan đến việc đề xuất loại bỏ hoạt chất T45 - tiazopir trong Danh mục chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, thuốc khử trùng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 37 | G/SPS/N/BRA/2155 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1154, ngày 6 tháng 4 năm 2023. | Dự thảo nghị quyết này liên quan đến đề xuất đưa hoạt chất I32 - Isocycloseram vào danh sách chuyên khảo về các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, chất khử trùng và chất bảo quản gỗ, được xuất bản bởi Hướng dẫn quy phạm 103, ngày 19 tháng 10 năm 2021, trên Công báo Bra-xin. |
| 38 | G/SPS/N/BRA/2154 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 04/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1155, ngày 6 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này liên quan đến đề xuất đưa hoạt chất P71: pyriophenone vào danh sách chuyên khảo các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, thuốc khử trùng và chất bảo quản gỗ, được đăng bởi Chỉ thị quy phạm số 103 - 19 tháng 10 năm 2021 trên Công báo Bra-xin. |
| 39 | G/SPS/N/JPN/1200 | ATTP, CT | Nhật Bản | 03/5/2023 | Sửa đổi Thông số kỹ thuật và Tiêu chuẩn đối với thực phẩm, phụ gia thực phẩm, v.v. theo Đạo luật Vệ sinh Thực phẩm. | Để thiết lập các thông số kỹ thuật cho một số phụ gia thực phẩm không tổng hợp và sửa đổi các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật hiện có, chẳng hạn như phương pháp thử nghiệm. |
| 40 | G/SPS/N/CAN/1500 | ATTP, BVTV | Canada | 03/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Mandestrobin (PMRL2023-22) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-22 là tham khảo các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với mandestrobin đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 4,0 | Rau diếp | | 0,08 | xà lách |   1ppm = phần triệu |
| 41 | G/SPS/N/CAN/1499 | ATTP, BVTV | Canada | 03/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Clopyralid (PMRL2023-21) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-21 là để tham khảo về các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với clopyralid đã được Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất.   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 4,0 | Hành củ (nhóm cây trồng 3-07A) | | 0,1 | Quả mọng dạng cây bụi (Bushberries) (phân nhóm cây trồng 13-07B)2 |   1ppm = phần triệu |
| 42 | G/SPS/N/CAN/1427 /Corr.1 | ATTP, BVTV | Canada | 03/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Pyraziflumid; Hiệu chỉnh | Bản đính chính này liên quan đến các mặt hàng nông sản thô được nêu trong phần 6 của thông báo tiếng Anh và tiếng Pháp G/SPS/N/CAN/1427. Thông báo báo cáo các giới hạn dư lượng tối đa (MRL) do Cơ quan Quản lý Dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA) đề xuất như sau:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 6,0 | Quả mọng mọc trên bụi cây (phân nhóm cây trồng 13-07B) | | 4,0 | Caneberry (nhóm cây trồng 13-07A) | | 2,0 | Quả hạch (nhóm cây trồng 12-09), nho khô | | 1,5 | Quả nhỏ dạng dây leo, trừ quả Kiwi lông xù (nhóm cây trồng 13-07F) | | 0,4 | Quả họ táo (nhóm cây trồng 11-09) | | 0,03 | Hạt cây (nhóm vụ 14-11) |   1 ppm = phần triệu  MRL được đề xuất là hàng hóa nhập khẩu từ Hoa Kỳ, với việc đăng ký hóa chất đang chờ xử lý của Hoa Kỳ và thiết lập dung sai của Hoa Kỳ. Ngoài đơn đăng ký MRL nhập khẩu, các đơn đăng ký đã được gửi để Canada đăng ký sử dụng pyraziflumid trên riêng táo, với MRL đề xuất là 0,4 ppm (vì táo là một phần của nhóm cây trồng 11-09). Cho rằng quyết định đăng ký của Hoa Kỳ vẫn đang chờ xử lý, đơn đăng ký MRL nhập khẩu đã bị rút lại ở Canada. Do đó, không có MRL nhập khẩu nào cho pyraziflumid được thiết lập vào thời điểm này. Bộ Y tế Canada sẽ thiết lập MRL riêng đối với táo:  MRL (ppm)1 Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến  0,4 quả táo  1 ppm = phần triệu |
| 43 | G/SPS/N/BRA/2152 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 03/5/2023 | Dự thảo nghị quyết 1153, ngày 6 tháng 4 năm 2023 | Dự thảo nghị quyết này liên quan đến đề xuất đưa mục A58.2 - chiết xuất hydroalcoholic từ cây sầu dâu vào chuyên khảo về hoạt chất A58 – azadirachta indica trong Danh sách chuyên khảo về các hoạt chất dùng cho thuốc trừ sâu, thuốc khử trùng và chất bảo vệ gỗ, được ban hành bởi Hướng dẫn tiêu chuẩn 103, Ngày 19 tháng 10 năm 2021, trên Công báo Bra-xin. |
| 44 | G/SPS/N/USA/3381 | ATTP, TY | Hoa Kỳ | 02/5/2023 | Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Cục Thanh tra và An toàn Thực phẩm (FSIS) đề nghị góp ý: Salmonella trong các sản phẩm bánh mỳ nhồi thịt gà chưa ăn liền. | Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ, Cục Thanh tra và An toàn Thực phẩm (FSIS) đề xuất các sản phẩm bánh mỳ nhồi thịt gà chưa ăn liền (NRTE) có chứa vi khuẩn Salmonella ở mức 1 đơn vị hình thành khuẩn lạc (CFU) trên mỗi gam hoặc cao hơn bị tạp nhiễm theo định nghĩa của Đạo luật Thanh tra Sản phẩm Gia cầm (PPIA). Mặc dù việc ghi nhãn của các sản phẩm này đã có những thay đổi đáng kể theo thời gian, để thông báo rõ hơn cho người tiêu dùng rằng chúng còn sống và cung cấp hướng dẫn về cách chế biến chúng một cách an toàn. Nhưng các sản phẩm bánh mỳ nhồi thịt gà NRTE vẫn tiếp tục có liên quan đến sự bùng phát dịch bệnh do Salmonella. Do đó, FSIS đã kết luận rằng các biện pháp y tế công cộng trong nước tập trung chủ yếu vào việc ghi nhãn sản phẩm và thực hành xử lý của người tiêu dùng đã không hiệu quả trong việc ngăn ngừa các bệnh truyền qua thực phẩm liên quan đến các sản phẩm bánh mỳ nhồi thịt gà NRTE. FSIS đề xuất tiến hành các quy trình xác minh tại các cơ sở được quản lý, bao gồm lấy mẫu và xét nghiệm thành phần thịt gà của các sản phẩm này trước khi nhồi và tẩm bột, để đảm bảo các cơ sở sản xuất kiểm soát được vi khuẩn Salmonella trong các sản phẩm này.  FSIS đề nghị quan tâm và gửi góp ý về quyết định được đề xuất này và các quy trình xác minh được đề xuất. FSIS đặc biệt yêu cầu nhận góp ý các cơ sở thay thế để xác định sự tạp nhiễm của các sản phẩm NRTE nhồi tẩm bột. Vui lòng gửi góp ý vào hoặc trước ngày 27 tháng 6 năm 2023.  Có thể truy cập toàn văn thông báo Đăng ký Liên bang này (88 FR 26249) và hướng dẫn gửi nhận xét tại: https://www.regulations.gov/document/FSIS-2022-0013-0001. |
| 45 | G/SPS/N/GBR/33 | CT | Vương quốc Anh | 02/5/2023 | Cấp phép cho hai loại thực phẩm mới, một loại hương liệu và một loại phụ gia thực phẩm bao gồm các giấy phép mới, phương pháp sản xuất mới (sẽ dẫn đến việc sửa đổi một cách hệ quả đối với giấy phép hiện có) và gia hạn sử dụng | Cơ quan An toàn Thực phẩm Vương quốc Anh thông báo về ý định cấp phép cho hai loại thực phẩm mới, một loại hương liệu thực phẩm và một loại phụ gia thực phẩm để sử dụng trên thị trường Anh, sửa đổi đối với giấy phép hiện có do một phương pháp sản xuất mới.  Sự cho phép là:  Hai loại thực phẩm mới:  − Bột nấm vitamin D2 (cấp phép mới) cho bột nấm Agaricus bisporus đã được tiếp xúc với tia cực tím để tạo ra sự chuyển đổi tiền vitamin D2 (ergosterol) thành vitamin D2 (ergocalciferol). Giấy phép được sử dụng trong nhiều loại thực phẩm và đồ uống, thực phẩm cho các mục đích y tế đặc biệt (FSMP) (không bao gồm những loại dành cho trẻ sơ sinh) và trong thực phẩm bổ sung (không bao gồm thực phẩm bổ sung cho trẻ sơ sinh và trẻ em dưới ba tuổi);  − Men làm bánh được xử lý bằng tia cực tím (Saccharomyces cerevisiae) (gia hạn sử dụng). Việc mở rộng sử dụng dành cho nhiều loại thực phẩm và chủng loại như thực phẩm cho các mục đích y tế đặc biệt (FSMPs). Thực phẩm mới phải được khử hoạt tính để sử dụng trong sữa công thức dành cho trẻ sơ sinh, sữa công thức tiếp theo, thực phẩm chế biến từ ngũ cốc và thực phẩm cho các mục đích y tế đặc biệt.  Hương vị:  − 3-(1-((3,5-dimetylisoxazol-4-yl)metyl)-1H-pyrazol-4-yl)-1-(3- hydroxybenzyl)imidazolidine-2,4-dione (giấy phép mới). Hương liệu thực phẩm này (FL No 16.127) phải có ít nhất 99% nguyên chất và có thể được sử dụng để giảm vị đắng của một số loại thực phẩm. Nó được cho phép trong nhiều loại thực phẩm với mức tối đa cho phép từ 4 mg/kg đến 100 mg/kg. Các loại thực phẩm nó có thể được thêm vào bao gồm các sản phẩm từ sữa, ví dụ: đồ uống và món tráng miệng làm từ sữa, bánh kẹo, gia vị, đồ ăn nhanh ăn liền và đá ăn được.  Phụ gia thực phẩm:  − Rebaudioside M (cấp phép mới). Giấy phép phụ gia thực phẩm mới cho steviol glycoside được sản xuất bằng enzym (E 960c), cũng dẫn đến sửa đổi hệ quả của giấy phép hiện có (tên và số E của phụ gia thực phẩm cho phương pháp sản xuất hiện tại sẽ được cập nhật - steviol glycoside E 960 sẽ trở thành E 960a steviol glycoside từ stevia). Phụ gia thực phẩm này được phép sử dụng như một chất làm ngọt cường độ cao, hàm lượng calo thấp được phép. |
| 46 | G/SPS/N/GBR/32 | BVTV, TY | Vương quốc Anh | 02/5/2023 | Dự luật Công nghệ di truyền (Nhân giống Chính xác). | Mục tiêu chính của Dự luật là thiết lập một khuôn khổ cho một phương thức quản lý mới phù hợp đối với thực vật và động vật được sản xuất bằng công nghệ sinh học hiện đại có thể là kết quả của quá trình nhân giống truyền thống hoặc tự nhiên ('thực vật và động vật được nhân giống chính xác'), và các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được sản xuất từ chúng.  Các quy định này chỉ có hiệu lực thực tế khi các quy định được thực hiện theo thẩm quyền được giao trong Dự luật quy định chi tiết về cơ chế quản lý mới. Các thông báo tiếp theo sẽ được đưa ra trước khi các biện pháp này có hiệu lực. Phạm vi của Dự luật chỉ trong lãnh thổ nước Anh, tuy nhiên, do hoạt động của luật pháp hiện hành của Vương quốc Anh (Đạo luật thị trường nội bộ Vương quốc Anh 2020) được sản xuất hoặc nhập khẩu vào Anh có thể được bán trên thị trường ở Scotland và xứ Wales, với cụ thể sắp xếp áp dụng cho Bắc Ireland.  Các mục đích chính của luật cơ bản mới này là:  1. Cho phép các quy định thiết lập khuôn khổ cho quy trình cấp phép mới dựa trên cơ sở khoa học đối với các sản phẩm thực phẩm và thức ăn chăn nuôi được sản xuất từ cây trồng và vật nuôi được nhân giống chính xác (Precision breeding);  2. Loại bỏ các loại cây trồng và vật nuôi được nhân giống chính xác được sản xuất thông qua các công nghệ nhân giống chính xác khỏi các yêu cầu quy định hiện hành áp dụng cho việc thải ra môi trường và tiếp thị GMO (Sinh vật biến đổi gen); điều này sẽ được thực hiện theo từng giai đoạn, đầu tiên là thực vật, sau đó là động vật;  3. Giới thiệu hai hệ thống thông báo mới cho các nhà phát triển sản phẩm để thông báo cho Defra về việc phát hành các loại cây trồng và vật nuôi được nhân giống chính xác cho cả mục đích nghiên cứu và tiếp thị ở Anh. Thông tin được thu thập sẽ được công bố trên sổ đăng ký công khai trên GOV.UK;  4. Thiết lập khuôn khổ cho một hệ thống quản lý phù hợp đối với động vật có xương sống được nhân giống chính xác, để đảm bảo sức khỏe và đối xử nhân đạo đối với động vật được bảo vệ. Chúng tôi sẽ không đưa ra các thay đổi đối với các quy định đối với động vật được nhân giống chính xác cho đến khi hệ thống này được áp dụng. |
| 47 | G/SPS/N/CAN/1498 | BVTV | Canada | 02/5/2023 | D-22-01: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với nguyên liệu cây ăn quả nhập khẩu để nhân giống hoặc trang trí dưới dạng cành tươi; D-22-02: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với sự di chuyển trong nước của *Prunus* spp. nguyên liệu thực vật để ngăn chặn sự lây lan của virus gây bệnh đậu mùa trên các cây quả (PPV) ở Canada | Cơ quan Thanh tra Thực phẩm Canada (CFIA) gần đây đã hoàn thành việc xem xét các yêu cầu nhập khẩu cây ăn quả và chương trình **virus** gây bệnh đậu mùa trên các cây quả ‘’domestic plum pox virus’’ (PPV). Do đó, CFIA đã phát triển hai chỉ thị chính sách sức khỏe thực vật mới:  − D-22-01: Yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc nhập khẩu nguyên liệu cây ăn quả để nhân giống hoặc sử dụng trang trí như cành tươi, trong đó nêu rõ các yêu cầu nhập khẩu đối với cây nhân giống và các bộ phận của cây *Chaenomeles* spp., *Cydonia* spp., *Malus* spp., *Prunus* spp., và *Pyrus* spp.  − D-22-02: Các yêu cầu kiểm dịch thực vật đối với việc vận chuyển trong nước của *Prunus* spp., nguyên liệu thực vật để ngăn chặn sự lây lan của **virus** gây bệnh đậu mùa trên các cây quả (PPV) ở Canada, trong đó nêu rõ các yêu cầu vận chuyển trong nước đối với tất cả các nguyên liệu thực vật *Prunus* spp. liên quan đến **virus** gây bệnh đậu mùa trên các cây quả (PPV) ở Canada.  Chỉ thị D-22-01  Chỉ thị D-22-01 phục vụ để hợp nhất các yêu cầu nhập khẩu dành riêng cho cây ăn quả từ tất cả các nguồn gốc thành một tài liệu duy nhất, bao gồm cả những yêu cầu trước đây chỉ được tìm thấy trong hệ thống tham chiếu nhập khẩu tự động (AIRS) của CFIA và không được đưa vào chính sách sức khỏe thực vật cụ thể.  Mặc dù hầu hết các yêu cầu được nêu trong chỉ thị D-22-01 vẫn phù hợp với các yêu cầu nhập khẩu hiện tại, CFIA đang đề xuất một số thay đổi để phản ánh khoa học hiện tại, bao gồm các yêu cầu về tính đủ điều kiện của cành và hoa cắt cành, cây giống thật và *Prunus* spp., từ châu Âu. Có thể tìm thấy danh sách các chính sách bị thay thế, cũng như chi tiết về tất cả các thay đổi được đề xuất trên trang 1 và 2 của chỉ thị này.  Chỉ thị D-22-02  Chỉ thị D-22-02 tóm tắt các yêu cầu di chuyển trong nước dành riêng cho PPV ở Canada. Do đó, các yêu cầu được tìm thấy trong chỉ thị D-22-02 sẽ thay thế tất cả các yêu cầu trong nước được tìm thấy trong chỉ thị D-99-07: Chính sách nhập khẩu từ Hoa Kỳ và Nguyên liệu Thực vật Nhân giống *Prunus* nhạy cảm với Virus Thủy đậu (PPV) trong nước.  Các yêu cầu được nêu trong chỉ thị D-22-02 vẫn phù hợp với các yêu cầu di chuyển trong nước hiện tại của CFIA được nêu trong chỉ thị D-99-07, ngoại trừ một số thay đổi nhỏ được tóm tắt trên trang 1 và 2 của D-22-02. Những thay đổi này đã được thực hiện theo khoa học mới nhất và tương xứng với rủi ro để đảm bảo việc bảo vệ liên tục ngành trồng cây ăn quả của Canada và giảm thiểu nguy cơ du nhập các loài gây hại thuộc diện điều chỉnh mới vào Canada |
| 48 | G/SPS/N/USA/3380 | ATTP, BVTV | Hoa Kỳ | 01/5/2023 | Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ nhận được đơn kiến nghị về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau; Thông báo nộp đơn kiến nghị và yêu cầu góp ý | Cơ quan bảo vệ Môi trường Hoa Kỳ đã nhận được đơn kiến nghị ban đầu về thuốc trừ sâu yêu cầu thiết lập hoặc sửa đổi các quy định về dư lượng hóa chất thuốc trừ sâu trong hoặc trên các loại hàng hóa khác nhau. |
| 49 | G/SPS/N/COL/346 | BVTV | Colombia | 01/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết "quy định, kiểm soát việc sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu, lưu giữ hạt giống cải tiến gen để đưa ra thị trường, gieo trồng và đăng ký đơn vị đánh giá nông học, nghiên cứu giống cây trồng" | Văn bản được thông báo nhằm điều chỉnh và kiểm soát việc sản xuất, nhập khẩu, xuất khẩu và lưu trữ hạt giống cải tiến gen để tiếp thị và gieo trồng, đồng thời đăng ký các đơn vị đánh giá nông học và/hoặc đơn vị nghiên cứu nhân giống cây trồng. |
| 50 | G/SPS/N/AUS/558 /Add.1 | BVTV | Úc | 28/4/2023 | Yêu cầu đối với nước nhập khẩu của Úc đối với giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 | Ngày thực hiện Thông báo tư vấn ngành (IAN) 02-2023 đã được gia hạn từ ngày 01 tháng 5 năm 2023 đến ngày 01 tháng 6 năm 2023.  Trước ngày 01 tháng 6 năm 2023, Bộ Nông nghiệp, Ngư nghiệp và Lâm nghiệp của Chính phủ Úc sẽ cung cấp thêm thông tin để làm rõ việc Úc chấp nhận giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật trên giấy, đã được đóng dấu/ký điện tử và bao gồm mã QR hoặc liên kết web để cho phép xác minh tài liệu trực tuyến.  Thông tin chi tiết có trên trang web của bộ: <https://www.agriculture.gov.au/biosecurity-trade/import/industry-advice/2023/93-2023>  Phụ lục này liên quan đến: Thay đổi ngày đề xuất thông qua, công bố hoặc ngày có hiệu lực |
| 51 | G/SPS/N/MAR/97 | CN, TY | Morocco | 26/4/2023 | Dự thảo Nghị định về chất lượng và an toàn thức ăn chăn nuôi | Dự thảo Nghị định được thông báo là một phần của việc thực hiện Luật số 28-07 về an toàn thực phẩm, được ban hành bởi Dahir số 1.10.08 của 26 Safar 1431 (11 tháng 2 năm 2010). Dự thảo đưa ra các điều kiện và yêu cầu phải đáp ứng đối với thức ăn cho động vật sản xuất sản phẩm cho con người và các quy định về ghi nhãn loại thức ăn đó.  Mục đích của dự thảo được thông báo là để đảm bảo rằng thức ăn chăn nuôi thương mại không gây rủi ro cho sức khỏe động vật hoặc gây ra những thay đổi có hại đối với thực phẩm có nguồn gốc động vật mà con người tiêu thụ, và nó không gây rủi ro cho sức khỏe con người, đồng thời tuân thủ các tiêu chuẩn quốc tế về ghi nhãn thức ăn chăn nuôi.  Như vậy, dự thảo Nghị định thông báo:  - Đưa ra các yêu cầu chung và cụ thể đối với nguyên liệu thô, phụ gia và thức ăn hỗn hợp;  - Đưa ra tất cả các thông tin ghi nhãn bắt buộc, bao gồm cả công bố dinh dưỡng cho các loài động vật có liên quan;  - Làm cho các nhà điều hành kinh doanh thức ăn chăn nuôi chịu trách nhiệm thực hiện tất cả các biện pháp phòng ngừa để đảm bảo rằng các chất bị cấm không được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi;  - Quy định rằng tất cả thông tin ghi nhãn phải bằng tiếng Ả Rập và có thể bằng một hoặc nhiều ngôn ngữ khác và thông tin đó phải dễ hiểu, dễ nhìn thấy, dễ đọc và không thể tẩy xóa;  - Thiết lập các thành phần phân tích của thức ăn hỗn hợp và dung sai cho phép;  - Đưa ra các quy định kỹ thuật về tạp chất, chất thay thế sữa, nguyên liệu thức ăn chăn nuôi kết dính hoặc biến tính, hàm lượng tro và hàm lượng nước;  - Lập danh mục nguyên liệu theo lệnh của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp.  Cuối cùng, cần lưu ý rằng dự thảo Nghị định quy định thời gian chuyển tiếp để Nghị định có hiệu lực là 6 tháng kể từ khi được đăng trên Công báo để tạo điều kiện cho các nhà sản xuất và nhà nhập khẩu tuân thủ các quy định của Nghị định và cho phép thức ăn chăn nuôi được đưa ra thị trường trước khi có hiệu lực được bán cho đến khi hết hàng dự trữ. |
| 52 | G/SPS/N/EU/633 | CLCB, TY | Liên minh châu Âu | 26/4/2023 | Sửa đổi Phụ lục II và III của Quy định (EC) số 853/2004 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu về các yêu cầu vệ sinh cụ thể đối với một số loại thịt tươi, sản phẩm thủy sản, sản phẩm từ sữa và trứng | Mục đích chính của việc sửa đổi là:  - Đưa ra các yêu cầu cụ thể đối với phương pháp đặc biệt được áp dụng để sơ chế những phần thịt bò tươi (dry-ageing), tùy thuộc vào giai đoạn chuyển tiếp;  - Sửa đổi các điều kiện vận chuyển của thân thịt và vết cắt nhất định của động vật nuôi có móng guốc và hài hòa hóa việc kiểm tra nhiệt độ bề mặt của loại thịt đó;  − Cho phép vận chuyển thú săn được giết mổ tại trang trại, để được vận chuyển đến cơ sở giao nhận thú săn;  - Giới thiệu các phương án thay thế để chứng minh hiệu quả của phương pháp xử lý nhiệt đối với sữa;  - Cho phép tạo hương vị cho trứng trong những điều kiện nhất định;  - Đưa ra các điều khoản giảm nhẹ nhiệt độ để cắt lát sản phẩm thủy sản tươi hoặc chế biến hoặc tăng nhiệt độ của sản phẩm thủy sản đông lạnh và cấm lưu trữ, vận chuyển các sản phẩm thủy sản ở nhiệt độ công nghệ tạm thời đó. |
| 53 | G/SPS/N/RUS/264 | BVTV | Liên bang Nga | 26/4/2023 | Dự thảo Quyết định của Hội đồng Ủy ban Kinh tế Á-Âu về sửa đổi Quyết định của Ủy ban Liên minh Hải quan ngày 18 tháng 6 năm 2010 Số 318 | Dự thảo quy định nhằm mục đích sử dụng hệ thống đánh giá rủi ro KDTV khi lựa chọn các quy trình kiểm soát kiểm soát KDTV kiểm dịch, cũng như ra quyết định thống nhất liên quan đến các lô sản phẩm thuộc diện kiểm dịch thực vật nếu có sự khác biệt giữa giấy chứng nhận kiểm dịch thực vật và chứng từ vận chuyển và nếu được phát hiện sinh vật. |
| 54 | G/SPS/N/UKR/200 | ATTP | Ucraina | 25/4/2023 | Dự thảo Lệnh của Bộ Y tế Ucraina "Về việc phê duyệt các chỉ số an toàn (yêu cầu) đối với hương vị thực phẩm, chỉ số an toàn (yêu cầu) đối với phụ gia thực phẩm và chỉ số an toàn (yêu cầu) đối với enzyme thực phẩm". | Dự thảo Lệnh quy định việc phê duyệt các yêu cầu đối với hương vị thực phẩm, phụ gia thực phẩm và enzym thực phẩm trong các sản phẩm thực phẩm. |
| 55 | G/SPS/N/JPN/1199 | BVTV | Nhật Bản | 25/4/2023 | Các biện pháp khẩn cấp để giảm thiểu nguy cơ xâm nhập của tuyến trùng bướu rễ(*Meloidogyne enterolobii*). | Để ngăn chặn việc đưa tuyến trùng bướu rễ(*Meloidogyne enterolobii*) vào Nhật Bản, MAFF sẽ yêu cầu Tổ chức Bảo vệ Thực vật Quốc gia (NPPO) của các nước xuất khẩu chứng nhận rằng:  Đối với phần dưới mặt đất của cây sống có khả năng trồng cây si quả nhỏ (*Ficus microcarpa*):  i) Thực vật được trồng tại nơi sản xuất hoặc địa điểm sản xuất (kể cả cơ sở nuôi trồng thực vật) mà *M. enterolobii* chưa từng xuất hiện hoặc đã từng xuất hiện nhưng đã được diệt trừ; Và  ii) Thực vật được kiểm tra tại nơi sản xuất hoặc địa điểm sản xuất trong mùa sinh trưởng, đồng thời chất trồng và các bộ phận dưới lòng đất của thực vật được kiểm tra bằng xét nghiệm tuyến trùng học thích hợp và phát hiện không có *M. enterolobii*.  Do đó, NPPO của các nước xuất khẩu sẽ được yêu cầu đưa vào một tuyên bố bổ sung rằng "Đáp ứng mục 8 của Phụ lục Bảng 1-2 của Pháp lệnh Thực thi Đạo luật Bảo vệ Thực vật (Sắc lệnh MAF số 73/1950)".  Lưu ý: Việc sửa đổi Pháp lệnh thi hành đạo luật bảo vệ thực vật (Sắc lệnh MAF số 73/1950) sẽ có hiệu lực vào ngày 1 tháng 8 năm 2023 và tuyên bố bổ sung là "Đáp ứng mục 13 của Phụ lục Bảng 2-2 của Pháp lệnh thi hành đạo luật bảo vệ thực vật (Sắc lệnh MAF số 73/1950)" từ ngày 01 tháng 8 năm 2023 |
| 56 | G/SPS/N/IND/293 | ATTP, CT | Ấn Độ | 25/4/2023 | Tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh) Quy định sửa đổi, 2023 | Các Quy định sửa đổi tiêu chuẩn và an toàn thực phẩm (thực phẩm dinh dưỡng cho trẻ sơ sinh) 2023 nêu rõ giới hạn selen, sắt, biotin và mangan |
| 57 | G/SPS/N/CHL/753 | TY | Chi Lê | 25/4/2023 | Sửa đổi đối với Nghị quyết miễn trừ số 7.773 năm 2021 xác định các sản phẩm động vật chỉ phải nộp giấy chứng nhận vệ sinh cho Sở Nông nghiệp và Chăn nuôi | Dự thảo sửa đổi Nghị quyết Miễn trừ số 7.773 năm 2021: Bổ sung một số hàng hóa đã được xác định thông qua đánh giá rủi ro đối với các sản phẩm chăn nuôi chỉ phải nộp giấy chứng nhận vệ sinh cho Sở Nông nghiệp và Chăn nuôi để nhập cảnh vào Chi Lê. Việc sửa đổi như sau:  a) Trong danh mục tại Điều 1, tiểu khoản “o” có bổ sung các tiểu mục mới như sau:  p. Thịt ếch, thịt bò sát và thịt chuột túi.  q. Các sản phẩm thịt chế biến chín, các sản phẩm thịt chế biến axit hóa và các sản phẩm thịt chế biến chín được chế biến từ thịt của động vật họ bò, cừu, dê, lợn và gia cầm hoặc hỗn hợp của chúng.  r. Collagen, gelatine, protein thủy phân và tóp mỡ.  b) Tại Điều 1, tiểu khoản “n” được thay thế như sau: n. Mỡ động vật hoặc mỡ của động vật họ bò, lợn, cừu, dê và gia cầm, ngoại trừ mỡ động vật hoặc mỡ dành cho thức ăn chăn nuôi. |
| 58 | G/SPS/N/CHL/731 /Rev.1 | CN, TY | Chi Lê | 25/4/2023 | Danh sách các chất phụ gia được phép sử dụng để sản xuất thức ăn hỗn hợp, chất bổ sung, nguyên liệu và chất phụ gia công thức cho động vật và bãi bỏ Nghị quyết miễn trừ số 1.992 năm 2006 | Dự thảo dự luật được thông báo thiết lập danh sách các chất phụ gia được phép dùng để sản xuất thức ăn hỗn hợp, chất bổ sung, chất phụ gia và thành phần cho các loài giết mổ/loài sinh sản và loài không sinh sản. Loại thứ hai nên được hiểu là những loài không dành cho con người tiêu thụ, chẳng hạn như chó, mèo, cá cảnh và chim, các loài ngoại lai và động vật trong vườn thú.  Mục đích của dự thảo dự luật được thông báo là để cập nhật các chất phụ gia được sử dụng trong thức ăn chăn nuôi nhằm bảo vệ và duy trì sức khỏe động vật, sức khỏe con người và bảo vệ môi trường. Nó dựa trên sự phát triển khoa học và tiến bộ công nghệ, phù hợp với các khuyến nghị của các cơ quan tham chiếu quốc tế. Các chất phụ gia được cho phép theo dự thảo biện pháp này là những chất được phê chuẩn bởi CODEX STAN 192-1995, Tiêu chuẩn chung về phụ gia thực phẩm; Quy định (EC) số 1831/2003 của Nghị viện và Hội đồng Châu Âu và các sửa đổi kèm theo; Cục Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ, Bộ luật Quy định Liên bang - Tiêu đề 21 - Thực phẩm và Dược phẩm; và Hướng dẫn Quy chuẩn số 110/2020 của Bộ Nông nghiệp, Thủy sản và Cung cấp Thực phẩm Bra-xin (MAPA) và các sửa đổi kèm theo.  Cuối cùng, lưu ý rằng các ý kiến nhận được trong các cuộc tham vấn trước đó cũng đã được tính đến.  Thông tin chi tiết có thể được tìm thấy trong tài liệu đính kèm thông báo này. |
| 59 | G/SPS/N/NIC/123 | BVTV | Nicaragua | 24/4/2023 | Nghị quyết hành chính số 005-2023: Công bố thông báo KDTV và thực hiện các biện pháp KDTV để ngăn chặn sự xâm nhập của nấm *Fusarium oxysporum* f. sp. chủng nhiệt đới cubense 4 (Foc TR4) | Mục đích của Nghị quyết này là:  • tuyên bố phương thức cảnh báo kiểm dịch thực vật đối nấm héo vàng trên chuối (*Fusarium oxysporum* f. sp. cubense tropical race 4), theo quy định tại Chương VI, Điều 30 Luật bảo vệ kiểm dịch thực vật số 1020 của Nicaragua;  • Công bố nấm héo vàng trên chuối (*Fusarium oxysporum* f. sp. cubense tropical race 4) là dịch hại kiểm dịch không có trên lãnh thổ quốc gia, theo tiêu chuẩn quốc tế về các biện pháp kiểm dịch thực vật (ISPM) số 8: Xác định tình trạng dịch hại trong một khu vực;  • Tăng cường hệ thống giám sát kiểm dịch thực vật tại các trang trại và các khu vực rủi ro để ngăn chặn sự xâm nhập, thiết lập và lây lan của chúng, đồng thời giảm tác động tiêu cực có thể có đối với quốc gia sản xuất;  • Tăng cường năng lực chẩn đoán kiểm dịch thực vật của phòng thí nghiệm thuộc Viện Bảo vệ và Sức khỏe Nông nghiệp và Vật nuôi nhằm nâng cao khả năng ứng phó và định danh kịp thời loài dịch hại này;  • Xây dựng và thông qua kế hoạch hành động để tăng cường năng lực phòng ngừa, chuẩn bị đối phó, ứng phó và phục hồi bệnh nấm héo vàng trên chuối do nấm *Fusarium oxysporum* f. sp. chủng tộc nhiệt đới cubense 4 (Foc TR4) ở Nicaragua;  • Thiết lập các biện pháp kiểm dịch thực vật sau đây trên lãnh thổ quốc gia để ngăn chặn sự xâm nhập của nấm héo chuối, *Fusarium oxysporum* f. sp. cubense tropical race 4 (Foc TR4):  a. Cấm nhập khẩu cây ký chủ, sản phẩm thực vật thuộc họ *Musaceae* hoặc vật thể thuộc diện quản lý từ các quốc gia nơi *Fusarium oxysporum* f. sp. cubense tropical race 4 có mặt;  b. Cho phép nhập khẩu giống *Musaceae* được sản xuất trong ống nghiệm từ các nguyên liệu có triển vọng tại các trung tâm sản xuất đã được NPPO của bên ký kết xuất khẩu chấp thuận, phải được NPPO của bên ký kết xuất khẩu đánh giá rủi ro, kiểm tra tại nguồn gốc, kiểm dịch và công nhận;  c. Hành khách, người vận chuyển và phi hành đoàn nhập cảnh phải tuân thủ các biện pháp an toàn sinh học do Viện Bảo vệ Sức khỏe Nông nghiệp và Gia súc thực hiện để ngăn chặn sự xâm nhập của nấm *Fusarium oxysporum* f. sp. cubense tropical race 4, bao gồm thông qua việc sử dụng bồn ngâm chân hoặc giày cố định hoặc di động hoặc thảm kiểm dịch thực vật, tùy từng trường hợp, tại các điểm nhập cảnh và các điểm kiểm soát biên giới;  • Các biện pháp khác được nêu trong Nghị quyết điều hành số 005-2023 |
| 60 | G/SPS/N/JPN/1198 | CN, TY | Nhật Bản | 24/4/2023 | Sửa đổi tiêu chuẩn, quy cách axit Formic | Bộ Nông nghiệp, Lâm nghiệp và Thủy sản Nhật Bản sẽ bổ sung các tiêu chuẩn và thông số kỹ thuật của axit Formic vào "Sắc lệnh của Bộ trưởng về các Thông số và Tiêu chuẩn của Thức ăn và Phụ gia Thức ăn chăn nuôi" (Pháp lệnh số 35 ngày 24 tháng 7 năm 1976 của Bộ Nông nghiệp và Lâm nghiệp). |
| 61 | G/SPS/N/EU/632 | ATTP, CT | Liên minh châu Âu | 24/4/2023 | Dự thảo sửa đổi Quy định (EU) số 231/2012 liên quan đến thông số kỹ thuật đối với mono- và diglyceride của axit béo (E 471) | Văn bản sửa đổi các thông số kỹ thuật của EU về các chất phụ gia thực phẩm mono- và diglyceride của axit béo (E 471) được phép dựa trên quan điểm khoa học gần đây từ Cơ quan An toàn Thực phẩm châu Âu (EFSA). Các thông số kỹ thuật hiện tại được điều chỉnh bằng cách giảm các giới hạn tối đa đối với các nguyên tố độc hại bao gồm các giới hạn tối đa cho tổng của 3-monochloropropanediol (3-MCPD) và este của axit béo 3-MCPD (được biểu thị bằng 3-MCPD), este của axit béo glycidyl (được biểu thị dưới dạng glycidol) và axit erucic và sửa đổi định nghĩa về mono- và diglycerit của axit béo (E 471).  Để cho phép quá trình chuyển đổi diễn ra suôn sẻ, văn bản quy định rằng việc sử dụng các chất phụ gia thực phẩm mono- và diglyceride của axit béo (E 471) được đưa ra thị trường một cách hợp pháp trước ngày Quy định này có hiệu lực là được phép trong thời gian chuyển tiếp là sáu tháng. Thực phẩm có chứa các chất phụ gia thực phẩm như vậy có thể tiếp tục được đưa ra thị trường trong cùng thời kỳ chuyển tiếp và có thể tiếp tục được bán trên thị trường cho đến ngày hạn sử dụng tối thiểu hoặc 'hết hạn sử dụng'. Tuy nhiên, do tính dễ bị tổn thương đối với trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ, phụ gia thực phẩm mono- và diglyceride của axit béo (E 471) không tuân thủ mức tối đa đối với este của axit béo glycidyl quy định trong Quy định này để sử dụng trong thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ không được phép thêm vào những thực phẩm đó sau ngày Quy định này có hiệu lực và việc tiếp thị những thực phẩm đó chỉ được phép nếu chúng đã được đưa ra thị trường hợp pháp trước Quy định có hiệu lực.  Phụ gia thực phẩm mono- và diglyceride của axit béo (E 471) được đưa ra thị trường một cách hợp pháp sau ngày Quy định này có hiệu lực và tuân thủ mức tối đa trung gian đã giảm đối với este của axit béo glycidyl (được biểu thị bằng glycidol) được phép sử dụng cho đến khi hết hàng, trừ thực phẩm dành cho trẻ sơ sinh và trẻ nhỏ có chứa phụ gia thực phẩm đó mới được phép đưa ra thị trường và duy trì trên thị trường cho đến ngày hạn sử dụng tối thiểu hoặc 'hết hạn sử dụng'. |
| 62 | G/SPS/N/COL/345 | CLCB. TY | Colombia | 24/4/2023 | Dự thảo Nghị quyết quy định điều kiện và thủ tục đăng ký với ICA đối với cơ sở sản xuất thủy sản làm giống hoặc tiêu dùng để xuất khẩu | Dự thảo Nghị quyết được quy định các yêu cầu và thủ tục đăng ký với Viện Nông nghiệp Colombia (ICA) đối với các cơ sở sản xuất động vật thủy sản làm giống hoặc tiêu dùng cho người để xuất khẩu |
| 63 | G/SPS/N/BDI/52, G/SPS/N/KEN/208 G/SPS/N/RWA/45, G/SPS/N/TZA/266 G/SPS/N/UGA/249 | TY | Các quốc gia Đông Phi | 24/4/2023 | DEAS 1139: 2023, Trứng gà ăn được còn nguyên vỏ - Đặc điểm kỹ thuật, Phiên bản đầu tiên | Dự thảo Tiêu chuẩn Đông Phi này quy định các yêu cầu, phương pháp lấy mẫu và thử nghiệm đối với trứng gà còn vỏ ăn được dành cho người tiêu dùng. |

1. **Danh sách các văn bản quy định về SPS có hiệu lực hoặc thông qua**

|  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Mã WTO** | **Lĩnh vực** | **Quốc gia** | **Ngày thông báo** | **Tiêu đề** | **Tóm tắt** |
| 1 | G/SPS/N/CAN/1481 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 17/5/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Benoxacor | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho benoxacor được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1481 (ngày 21 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 15 tháng 5 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,01 | Caneberry (nhóm cây trồng 13-07A) | | 1 ppm = phần triệu | |   Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 2 | G/SPS/N/CAN/1479 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 17/5/2023 | Giới hạn dư lượng tối đa được thiết lập: Pendimethalin | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho pendimethalin được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1479 (ngày 21 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 15 tháng 5 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,1 | Quả loại táo (nhóm cây trồng 11-09)2; quả hạch (nhóm cây trồng 12-09)3 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL được thiết lập là 0,1 ppm trong/trên quả loại táo (nhóm cây trồng 11-09) thay thế MRL trước đó là 0,1 ppm trong/trên các mặt hàng riêng lẻ trong nhóm cây trồng này  3 MRL được thiết lập là 0,1 ppm trong/trên quả hạch (nhóm cây trồng 12-09) thay thế MRL trước đó là 0,1 ppm trong/trên các mặt hàng riêng lẻ trong nhóm cây trồng này |
| 3 | G/SPS/N/BRA/2129 /Add.1 | ATTP, BVTV | Bra-xin | 12/5/2023 | Dự thảo Nghị quyết 1138, ngày 29 tháng 12 năm 2022 | Dự thảo Nghị quyết 1138, ngày 29 tháng 12 năm 2022 - đã được thông báo trong G/SPS/N/BRA/2129 - đề xuất đưa hoạt chất D27.5 - 2,4 - D-DIETHANOLAMINE vào danh sách chuyên khảo của hoạt chất D27 - 2,4 - D (2,4 - D) trong Phụ lục của hướng dẫn Quy chuẩn 103 - 19 tháng 10 năm 2021, đăng trên Công báo Bra-xin (DOU - Diário Oficial da União), được thông qua làm hướng dẫn Quy chuẩn 222, ngày 4 tháng 4 2023.  Văn bản cuối cùng chỉ có bằng tiếng Bồ Đào Nha và có thể tải xuống tại: <http://antigo.anvisa.gov.br/documents/10181/6534413/IN_222_2023_.pdf/310c9ab0-d211-4201-b94f-ae4abbe0625f>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 4 | G/SPS/N/CAN/1476 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 11/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fluazinam | Tài liệu đề xuất về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) cho fluazinam được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1476 (ngày 6 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 3 tháng 5 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp ngay bên dưới:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 3,0 | Nho | | 0,07 | Rau bầu bí (nhóm cây trồng 9)2 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL nhóm cây trồng đối với rau họ bầu bí (nhóm cây trồng 9) hiện đã được thiết lập, trong khi MRL 0,07 ppm đối với các mặt hàng riêng lẻ trong nhóm cây trồng 9A đã hết hạn |
| 5 | G/SPS/N/CAN/1475 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 11/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Pyriproxyfen | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho pyriproxyfen được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1475 (ngày 6 tháng 2 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 3 tháng 5 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa nông nghiệp thô (RAC) và/hoặc hàng hóa chế biến | | 0,2 | Chuối | | 1 ppm = phần triệu | |   Có thể tìm MRL được thiết lập ở Canada bằng cách sử dụng Cơ sở dữ liệu Giới hạn Dư lượng Tối đa của Bộ Y tế Canada (<https://pest-control.canada.ca/pesticide-registry/en/disclaimer-page.html>) trên trang web Giới hạn Dư lượng Tối đa cho Thuốc trừ sâu (<https://www.canada.ca/en/health-canada/services/consumer-product-safety/pesticides-pest-management/public/protecting-your-health-environment/pesticides-food/maximum-residue-limits-pesticides.html>). Cơ sở dữ liệu cho phép người dùng tìm kiếm thuốc trừ sâu hoặc hàng hóa thực phẩm.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 6 | G/SPS/N/NZL/703 /Add.1 | TY | Niu Di-lân | 04/5/2023 | Tiêu chuẩn Y tế Nhập khẩu: Sản phẩm Trứng (IHS EGGPRODS.GEN) | Được thông qua vào ngày 26 tháng 4 năm 2023.  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_09446\_00\_e.pdf  https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/NZL/23\_09446\_01\_e.pdf  Mối quan tâm của phụ lục này: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 7 | G/SPS/N/CAN/1501 | ATTP, BVTV | Canada | 04/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Pydiflumetofen (PMRL2023-23) | Mục tiêu của tài liệu được thông báo PMRL2023-23 là tham khảo về giới hạn dư lượng tối đa (MRL) được liệt kê đối với pydiflumetofen đã được đề xuất bởi Cơ quan quản lý quản lý dịch hại của Bộ Y tế Canada (PMRA). Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 5,0 | Caneberry (nhóm cây trồng 13-07A) |   1ppm = phần triệu |
| 8 | G/SPS/N/CAN/1474 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 04/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Clethodim | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho clethodim được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1474 (ngày 30 tháng 01 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 3,0 | Cải thảo | | 2,0 | Hành lá (nhóm cây trồng 3-07B)2 | | 0,6 | Rau có cuống lá (nhóm cây trồng 22B) | | 0,3 | kiều mạch | | 0,09 | Ngọn cần tây3 , ngọn cải Thụy Điển3 |   1 ppm = phần triệu  2 MRL được thiết lập hiện tại cho "hành" ở mức 0,2 ppm được sửa đổi thành "hành củ khô" ở cùng giá trị MRL để phản ánh thuật ngữ hiện tại.  3 Rễ cây cần tây và củ cải Thụy Điển được loại trừ khỏi hành động MRL này vì MRL là 0,3 phần triệu đã được thiết lập cho những mặt hàng này. |
| 9 | G/SPS/N/CAN/1473 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 04/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Fluopyram | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho fluopyram được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1473 (ngày 30 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 25 tháng 4 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 15 | Ngồng tỏi |   1ppm = phần triệu |
| 10 | G/SPS/N/CAN/1471 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 04/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Spiropidion | Tài liệu về giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất cho spiropidion được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1471 (ngày 25 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 19 tháng 4 năm 2023. Các MRL đề xuất được thiết lập thông qua việc nhập vào Cơ sở dữ liệu giới hạn dư lượng tối đa và được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 7,0 | Cà chua khô | | 5,0 | Khoai tây dạng bột | | 3,0 | Đậu nành khô | | 1,5 | Khoai tây, sốt cà chua | | 1,0 | Ớt chuông, ớt khác | | 0,9 | Dưa vàng, dưa lưới (trừ những loại được liệt kê trong mục này), bí ngô, dưa hấu, bí mùa đông | | 0,8 | Dưa chuột, cà chua |   1ppm = phần triệu |
| 11 | G/SPS/N/CAN/1470 /Add.1 | ATTP, BVTV | Canada | 04/5/2023 | Đề xuất giới hạn dư lượng tối đa: Natri acifluorfen | Tài liệu giới hạn dư lượng tối đa (PMRL) được đề xuất đối với natri acifluorfen được thông báo trong G/SPS/N/CAN/1470 (ngày 25 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua vào ngày 19 tháng 4 năm 2023. MRL đề xuất được thiết lập thông qua mục nhập Cơ sở dữ liệu Giới hạn dư lượng tối đa và được được cung cấp dưới đây:   |  |  | | --- | --- | | MRL (ppm)1 | Hàng hóa Nông nghiệp Thô (RAC) và/hoặc Hàng hóa Chế biến | | 0,06 | Củ cà rốt |   1ppm = phần triệu |
| 12 | G/SPS/N/JPN/1171 /Add.1 | ATTP, BVTV | Nhật Bản | 28/4/2023 | Sửa đổi Pháp lệnh thực thi tiêu chuẩn thức ăn chăn nuôi và phụ gia thức ăn chăn nuôi (Sửa đổi giới hạn dư lượng tối đa (MRL) đối với glyphosate) | Giới hạn dư lượng tối đa được đề xuất (MRL) đối với glyphosate được thông báo trong G/SPS/N/JPN/1171 (ngày 10 tháng 1 năm 2023) đã được thông qua.  Những sửa đổi này đã được đăng trên "KAMPO" (28 tháng 4 năm 2023) (Công báo chính thức của Chính phủ chỉ có bằng tiếng Nhật).  Ngày có hiệu lực: 28 tháng 4 năm 2023 (tất cả các mặt hàng trừ ngô, đậu tương và khô dầu đậu tương), 28 tháng 10 năm 2023 (ngô, đậu tương và khô đậu tương)   |  |  |  | | --- | --- | --- | | Hàng hóa (đối với thức ăn chăn nuôi) | MRL đề xuất (mg/kg) | MRL hiện tại (mg/kg) | | Yến mạch | 30 | 20 | | Lúa mạch | 30 | 20 | | Lúa mì | 30 | 5 | | Ngô | 5 | 1 | | Milo | 30 | 20 | | Lúa mạch đen | 30 | 0,2 | | Cỏ khô | 500 | 120 | | Đậu nành | 20 | - | | Bột đậu nành | 9 | - | |  | | |   Ghi chú:  − Các MRL hiện tại chỉ áp dụng cho dư lượng glyphosate.  − Định nghĩa về dư lượng của các MRL được đề xuất để thực thi: o Đối với ngô, đậu tương và bột đậu tương: Tổng lượng glyphosate và N-acetylglyphosate, được biểu thị bằng glyphosate; o Đối với cây trồng khác: Glyphosate.  − Cỏ khô bao gồm cỏ khô và thức ăn gia súc (khô), rơm, thức ăn thô xanh (xanh) và thức ăn ủ chua. MRL được đặt là 90% cơ sở vật chất khô.  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |
| 13 | G/SPS/N/PER/989 /Add.1 | BVTV | Pê-ru | 24/4/2023 | Nghị quyết Giám đốc số 0004-2023-MIDAGRI-SENASA-DSV | Dịch vụ Y tế Nông nghiệp Quốc gia (SENASA) thông báo rằng Nghị quyết số 0004-2023-MIDAGRI-SENASA-DSV thiết lập các yêu cầu kiểm dịch thực vật bắt buộc đối với việc nhập khẩu các chủng vi sinh vật (*Nitrobacter* spp., *Nitrosomonas* spp., *Azotobacter* spp. và *Azospirillum* spp.) có nguồn gốc và đến từ bất kỳ quốc gia nào, đã được đăng trên Tạp chí chính thức, El Peruano, vào ngày 6 tháng 4 năm 2023.  Bạn có thể tìm thấy Nghị quyết Giám đốc bằng tiếng Tây Ban Nha tại: <https://www.gob.pe/institucion/senasa/normas-legales/tipos/26-resolucion-directoral> <https://members.wto.org/crnattachments/2023/SPS/PER/23_9244_00_s.pdf>  Phụ lục này liên quan đến: Thông báo về việc thông qua, công bố hoặc có hiệu lực của quy định |

Chi tiết đăng tải các thông báo tại website: [www.spsvietnam.gov.vn](http://www.spsvietnam.gov.vn)